

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THANH TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1327 /TB-BVĐKTT

Hà Nội, ngày 48 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

Gói thầu: Gói thầu số 2: Vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 - 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 -2026 của Bệnh viện đa khoa Thanh Trì

Kính gửi: - LIÊN DANH LÊ LỢI – THIÊN PHÚC – ANH NGỌC;
- CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LAKE SIDE VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-BVĐKTT ngày 18/12/2025 của Bệnh viện đa khoa Thanh Trì về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Gói thầu số 2: Vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 - 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 -2026 của Bệnh viện đa khoa Thanh Trì.

Bệnh viện đa khoa Thanh Trì thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Gói thầu số 2: Vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 - 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 -2026 của Bệnh viện đa khoa Thanh Trì, với những nội dung như sau:

1. Danh sách nhà thầu, tổng số mặt hàng và giá trị trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
LIÊN DANH LÊ LỢI – THIÊN PHÚC – ANH NGỌC			2.300.286.390	365 ngày	365 ngày	
1	CÔNG TY TNHH LÊ LỢI	0500391288	1.429.023.390			
2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & THIẾT BỊ THIÊN PHÚC	0104492194	312.813.000			
3	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC	0101950939	558.450.000			

(có danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo).

2. Danh sách nhà thầu không trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LAKE SIDE VIỆT NAM	0106072491	Không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT

3. Thời gian tiến hành hoàn thiện hợp đồng và ký kết cung ứng với Bệnh viện, cụ thể như sau:

- Thời gian: đến hết ngày 27 tháng 12 năm 2025
- Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Thanh Trì - Số 1 đường Tứ Hiệp, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bệnh viện đa khoa Thanh Trì thông báo đến nhà thầu được biết để thực hiện.

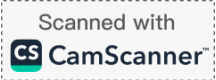
Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VT, KD, P.TCKT.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
THANH TRÌ
Hô Quang Tuấn

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HOÁ TRÚNG THẦU
Gói thầu số 2: Vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025 - 2026
(Kèm theo Thông báo số 1327 /TB-BVĐKTT ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Thanh Trì)

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKKL/H/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Nhà thầu: Liên danh Lê Lợi - Thiên Phúc - Anh Ngọc															
1. Công ty TNHH Lê Lợi															
1	1	Bộ dây truyền dịch	Bộ dây truyền dịch MPV sử dụng một lần kim thường	DTD02: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	2200000 13/PCB B-NB	60,000	4,620	277,200,000



STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
2	2	Bộ dây truyền máu	Bộ dây truyền máu ECO	TM: ECO	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Dây dài ≥1800mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, diệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc ≥200µm, tốc độ dòng chảy ≥20 giọt/ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Túi 1 bộ x 400 bộ/ kiện	2200000 17/PCB B-NB	125	11,550	1,443,750
3	3	Bơm cho ăn 50 ml	Bơm cho ăn MPV 50ml	BCA	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	- Xy lanh dung tích ≥ 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp dây. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≥ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	Cái	Hộp 25 cái x 16h/ kiện	1700000 06/PCB A-NB	100	4,410	441,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
4	4	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 10ml	BTK10: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích ≥10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rời, an toàn khi sử dụng. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	Hộp 100 cái x 12h/ kiện	2200000 12/CBB- NB	32,000	1,092	34,944,000
5	5	Bơm tiêm Insulin	Bơm tiêm insulin MPV sử dụng một lần 1ml	BT104: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Bơm tiêm dung tích ≤1ml kèm kim dùng để tiêm insulin, có nắp bảo vệ. Nắp chụp làm bằng nhựa y tế. Bơm kèm theo nắp cuối xy lanh được lắp sẵn để ngăn dị vật vào lòng bơm trước và sau khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có độ cứng. - Đốc kim được đúc liền với vỏ xy lanh, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx8mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Có phiếu kiểm nghiệm về độ vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 100 cái x 20h/ kiện	2200000 16/PCB B-NB	35,000	1,575	55,125,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
6	6	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 20ml	BTK20: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích ≥20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pit tổng có khía bề gãy dễ hùi, không có ba vĩa.Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rỏ rỉ, an toàn khi sử dụng. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 50 cái x 16h/ kiện	2200000 12/PCB B-NB	2,200	2,100	4,620,000
7	7	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	BTK5: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích ≥5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.Pit tổng có khía bề gãy dễ hùi, không có ba vĩa.Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rỏ rỉ, an toàn khi sử dụng. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE chấp thuận cấp	Cái	Hộp 100 cái x 20h/ kiện	2200000 12/PCB B-NB	65,000	789	51,285,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số DKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
8	8	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 50ml	BTK50: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	-Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tổng có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE	Cái	Hộp 25 cái x 16h/ kiện	2200000 12/PCB B-NB	500	4,410	2,205,000
9	12	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm vi sinh vật (MELAB Color Gram Set)	B250900	SEMIN D	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần SEMIND	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. Quy cách đóng gói tối thiểu: Bộ 4 chai x 250ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ 4 chai 250ml	2400000 34/PCB A-VP	1	672,000	672,000
10	29	Acid etching	Acid etching	N-Eich	Ivoclar	Từ năm 2025 trở về sau	Liechtenstein	Ivoclar Vivadent AG	Etching gel 37% acid phosphoric. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuýp 2g.	tuýp	Tuýp 2g		4	154,000	616,000
11	30	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	1322x18 mm	3M	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M Canada Company, sản xuất cho 3M	Chỉ thị nhiệt, kích thước: (18mm x 55mm) có Acrylic và vạch mực chỉ thị thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đậm hoặc đen hơn sau khi qua tiệt khuẩn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 cuộn.	Cuộn	Túi 1 cuộn	2200022 19/PCB A-HCM	20	160,000	3,200,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
12	31	Băng vải cuộn	Băng cuộn 10cm x 5m	BC17	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Kích thước: 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Mật độ 20x14 sợi/ inch. Hai đầu cuộn băng băng, không lệch, không xơTây trắng băng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước: ≥12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: ≤0,105%. Độ ẩm: ≤4,62%. Tro sulfate: ≤0,05%. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: ≤0,032%. Độ trắng: 84,3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp băng PE, một lớp băng giấy. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cuộn	10 cuộn/ gói	1700000 03/PCB A-ND	3,000	2,650	7,950,000
13	32	Băng dính lụa	Băng dính cuộn lụa y tế UGOTANA, kích thước 5cm x 5m	BDL5.5. UGT	TANA PHAR	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Tanaphar	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ rãnh của hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cuộn	Hộp 1 cuộn	1800021 16/PCB A-HN	2,000	26,670	53,340,000
14	33	Băng keo có gạc vô trùng	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc DECOMED (size 53x70 mm)	DEC-NWDP53 70	USM	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	USM Healthcare	Kích thước băng dính: 53 x 70 mm Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, có dẫn tốt Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 30 x 35 mm Keo dán Acrylic Lớp phủ Polyethylene chống dính vết thương khi thay băng. Giấy lót làm từ vật liệu cấp độ y tế (≤ 200 g/m²) . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Miếng	Hộp 50 miếng	1800011 95/PCB A-HCM	100	2,400	240,000
15	34	Băng keo thử nhiệt sấy khô	Dry Heat Indicator Tape	TT 6120	Informe r Med	Từ năm 2025 trở về sau	Ý	Informe Med	Kích thước: 19mm x 50m. Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 cuộn	Cuộn	Túi 1 cuộn	2200030 27/PCB A-HN	20	490,000	9,800,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
16	35	Bao cao su	Bao cao su	Happy Family	MERU FA	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CÔNG TY CP MERUFA	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Không mùi, trong mờ và không màu. Chiều dài $\geq 170\text{mm}$, chiều rộng $49-52 \pm 2\text{mm}$. Độ dày $0.065\text{mm} \pm 0.015\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 cái	Cái	Túi 1 cái	2100145 ĐKLH/ BYT-TB-CT	720	882	635,040
17	36	Bao huyết áp dùng cho máy monitor theo dõi bệnh nhân	Bao đo huyết áp dùng cho máy monitor theo dõi bệnh nhân	SC1311, SC1511, SC1611, SC3711, SC1321, SC1521, SC1621, SC3721	Shenzhen Sino-K	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Shenzhen Sino-K Medical Technology Co., Ltd	Bao đo huyết áp dùng nhiều lần, phù hợp với máy monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	Túi/ cái	Không áp dụng	23	334,000	7,682,000
18	37	Bao camera nội soi	Túi camera vô trùng	TCMR	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Nguyên liệu: được làm từ nylon, Kích thước ống nylon (18x 230cm); túi nylon (9cm x 14cm). Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế diệt trùng EO Gas. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 cái.	Cái	1 cái/ gói	1700000 05/PCB A-ND	50	6,300	315,000
19	38	Bay kim loại trộn thuốc	Bay kim loại trộn thuốc	Bay kim loại trộn thuốc	Prime	Từ năm 2025 trở về sau	Pakistan	Prime	Chất liệu bằng inox không gỉ. Sử dụng trong nha khoa.	Cái	Túi/ cái	Không áp dụng	5	25,200	126,000
20	39	Bóng hút thấm nước y tế	Bóng y tế thấm nước 1kg	BHN1	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Được làm từ 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: túi 1kg.	kg	1kg/ gói	1800000 06/PCB A-ND	100	140,000	14,000,000
21	40	Bột bó 15 cm x 2.7 m	BỘT BÓ ORBE 1527	BO15270	ORBE	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Hamco Hưng Yên	Kích thước (15 cm x 2.7m). Thành phần: Bột thạch cao, Bột liên kết, bột nhào, vôi bột, bột chống ẩm, bột 100% cotton. Độ tinh khiết cao. Thời gian đóng kết: 2 - 4'. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	Túi 6 cuộn	2200009 79/PCB A-HN	150	24,000	3,600,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
25	44	Canuyn mayer các số	Ông thông đường thờ	GT016-100	Ningbo Greemed	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Greemed Medical Instruments Co., Ltd	Ông thông đường thờ được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO. Hạn sử dụng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 cái	Cái	Túi 1 cái	2200016 55/PCB B-HN	10	4,800	48,000
26	45	Chỉ khâu tự liền kim số 1/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu DemeGUT	CC22014 0B4P	DemeTech	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DemeTECH Corp	Chỉ khâu tự tiêu liền kim số 1/0; dài chỉ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài kim 40 mm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	12 sợi/ hộp	2505333 ĐKLH/ BYT- HTTB	100	31,500	3,150,000
27	46	Chỉ khâu tự liền kim số 3/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu DemeGUT	CC22302 6B4P	DemeTech	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DemeTECH Corp	Chỉ khâu tự tiêu số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	12 sợi/ hộp	2505333 ĐKLH/ BYT- HTTB	12	31,500	378,000
28	47	Chỉ khâu tự liền kim số 5/0	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 5/0, kim tam giác, dài 12 mm, C15E12	C15E12	CPT	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CPT	Chỉ khâu tự tiêu số 5/0, dài 75 cm, kim tròn, cong 1/2. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	Hộp 24 sợi	2100210 ĐKLH/ BYT- TB-CT	12	53,200	638,400
29	48	Chỉ khâu tự liền kim số 4/0	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, kim tròn, dài 26 mm, C20A26	C20A26	CPT	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CPT	Chỉ khâu tự tiêu số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	Hộp 24 sợi	2100210 ĐKLH/ BYT- TB-CT	36	29,400	1,058,400

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKXH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
30	49	Chỉ khâu không tiêu Nylon liền kim số 3/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu DemeLON	NIL26302 4F4P	DemeT ech	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DemeTEC H Corp	Chỉ nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Kim chất liệu thép không gỉ DFS-2 phủ silicone (hoặc tương đương). Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24 mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Độ bền kéo đứt đạt trung bình tối thiểu 0,96 Kg, lực gắn chỉ với kim trung bình tối thiểu 6,67 N. Chỉ có màu đen và xanh, nhuộm bằng thuốc nhuộm FD&C Blue No. 2 được FDA liệt kê. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	12 sợi/ hộp	2505334 ĐKXH/ BYT- HTTB	500	26,250	13,125,000
31	50	Chỉ khâu không tiêu Nylon liền kim số 4/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu DemeLON	NIL26401 9F4P	DemeT ech	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DemeTEC H Corp	Chỉ nylon không tiêu số 4/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Kim chất liệu thép không gỉ DFS-2 phủ silicone (hoặc tương đương) dài 19 mm, đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Thành phần được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ thắt nút và sức căng tốt. Độ bền kéo đứt đạt trung bình tối thiểu 0,6 Kg, lực gắn chỉ với kim trung bình tối thiểu 4,41 N. Chỉ có màu đen và xanh, nhuộm bằng thuốc nhuộm FD&C Blue No. 2 được FDA liệt kê. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	12 sợi/ hộp	2505334 ĐKXH/ BYT- HTTB	100	26,250	2,625,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
32	51	Chi khâu không tiêu Nylon liền kim số 5/0	Chi phẫu thuật không tiêu DemelON	NL29501 6F4P	DemeT ech	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DemeTEC H Corp	Chi nylon không tiêu số 5/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Kim chất liệu thép không gỉ DFS-2 phủ silicone. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 16 mm. Thành phần polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Độ bền kéo đứt đạt trung bình tối thiểu 0.4 Kg, lực gắn chỉ với kim trung bình tối thiểu 2,25 N. Chỉ có hai màu xanh và đen, nhuộm bằng thuốc nhuộm FD&C Blue No. 2 được FDA liệt kê (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	12 sợi/ hộp	2505334 ĐK/LH/ BYT- HTTB	12	29,400	352,800
33	52	Chi thi hoá học diệt khuẩn đồ vải	Chi thi hóa học dùng cho máy diệt khuẩn dùng cụ y tế bằng hơi nước	1250	3M	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	PROPPER MFG. CO., Inc	Kích thước: 1.5cm x 20cm. Chi thi hóa học dùng để kiểm tra chất lượng diệt khuẩn bên trong gói dụng cụ. Vạch mực hiển thị từ màu trắng sang đen đậm nếu diệt khuẩn đạt chất lượng. Dùng với chu trình diệt khuẩn 132°C - 134°C và 121°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	miếng	Hộp 240 miếng	2400012 94/PCB A-HCM	6,000	4,000	24,000,000
34	53	Còn giấy các số	Giấy thấm nha khoa	Absorben t Paper Points	Sure dent	Từ năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	Sure Dent	Vật liệu thấm hút dịch ống tủy sử dụng trong nha khoa Có đa dạng kích thước tương thích với các kích cỡ ống tủy	Hộp	Hộp/ 100 cây	2200022 13/PCB B-BYT	10	86,400	864,000
35	54	Chất hàn ống tủy	Xi măng trám ống tủy răng	Cortisol	Pierre Rolland	Từ năm 2025 trở về sau	Pháp	Pierre Rolland	Thành phần gồm: Prednisolone acetate 1,1%, Diiodothymol, Kẽm oxit, Bari sunfat. Dùng trong để trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 23g.	lọ	Lọ 23g	2400027 72/PCB B-HCM	2	980,000	1,960,000
36	55	Cốc dùng 1 lần (dùng trong nha khoa)	Cốc dùng 1 lần (dùng trong nha khoa)	Cốc dùng 1 lần (dùng trong nha khoa)	Tân Hiệp Hưng	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Tân Hiệp Hưng	Chất liệu giấy hoặc nhựa dùng một lần. Dùng trong nha khoa.	Cái	Cây 50 cái	Không áp dụng	1,500	720	1,080,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
37	56	Cọ tắm bóng nha khoa	Cọ tắm bóng nha khoa		TPC	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	TPC	Cọ quét keo với đầu lông mịn, Không rung lông tơ khi sử dụng, Không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 100 cái	Hộp	Hộp 100 cái		10	56,000	560,000
38	57	Cống 0,5 ml	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (Sample Cup 0.5 mL 651412 (1000pcs/bag).)	651412	MGS	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	MGS Germanto wn, A division of MGS Group NA, Inc	Chất liệu: nhựa trắng trong suốt, 0,5ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 1000 cái	Cái	1000pcs/ bag	2400003 64/PCB A-HCM	1,000	1,890	1,890,000
39	58	Cống 2 ml	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch (Access 2 ml Sample Cups)	81902	MGS	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	MGS Germanto wn, A division of MGS Group NA, Inc	Chất liệu: nhựa 2ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 1000 cái	Cái	1000pcs/ bag	2400003 64/PCB A-HCM	1,000	1,806	1,806,000
40	59	Chất hàn răng 1	Cement hàn răng (Fuji I) 15g	GC Fuji I	GC	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC	Chất hàn răng Fuji I 15g. Hộp gồm 1 lọ bột 15g + 1 lọ 8ml nước.	Hộp	Hộp 15g		4	840,000	3,360,000
41	60	Chất hàn răng 7	Cement hàn răng (Fuji VII) 15g	GC Fuji VII	GC	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC	Chất hàn răng Fuji VII 15g. Hộp gồm 1 lọ bột 15g + 1 lọ 8ml nước	Hộp	Hộp 15g		4	1,960,000	7,840,000
42	61	Chất hàn răng 9	Cement hàn răng (Fuji 9) 15g	GC Fuji IX	GC	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC	Chất hàn răng Fuji IX 15g. Hộp gồm 1 lọ bột 15g + 1 lọ 8ml nước	Hộp	Hộp 15g		15	1,610,000	24,150,000
43	62	Dây nối bơm tiêm điện các cỡ	Dây nối bơm tiêm điện ECO	ECO	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤0.9mm, đường kính ngoài ≤1.9mm, có khóa chân đồng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiết trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	01 cái/ túi	2200000 11/PCB B-NB	580	5,500	3,190,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
44	63	Dây thớ oxy người lớn - trẻ em	Dây thớ oxy MPV	DTOSS: MPV DTOTE: MPV DTONLI: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thớ mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khía chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Túi 01 cái x 300 túi / kiện	2100101 ĐK/LH/ BYT-TB-CT	200	5,900	1,180,000
45	64	Dung dịch sát khuẩn tay sát khuẩn	Dung dịch sát khuẩn tay ALFASEPT CLEANSER 2	AF20200 5	Lavitec	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai 500ml	Chai	Chai 500ml	VNDP-HC-100-05-17	150	74,200	11,130,000
46	65	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay dùng trong y tế ALFASEPT MED	AF20800 5	Lavitec	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Thành phần chính: Ethanol, Isopropyl Alcohol, Chlorhexidine digluconate, chất dưỡng da và hương liệu. Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng, sử dụng rửa tay thường qui. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai 500ml.	Chai	Chai 500ml	VNDP-HC-036-04-18	300	63,000	18,900,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKXH/ Số GPK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
47	66	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzym	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế MEGASEPT Z-5	MG2490 10	Lavitec	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... pH trung tính: 7-8 (ở 20°C); dễ dàng tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai 1.000ml	Chai	Chai 1000 ml	2000000 27/PCB A-VP	8	413.000	3.304.000
48	67	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	STERANIOS 2% 5L	0382.034	Laboratoires Anios	Từ năm 2025 trở về sau	Pháp	Laboratoires Anios	Thành phần: 2% Glutaraldehyde. không cần hoạt hóa, pH=6. Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày. Hạn sử dụng sau mở nắp: 3 năm Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 (Enterococcus hirae, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) - Diệt bào tử trong 120 phút theo EN 17126 (Clostridium difficile, Bacillus cereus, Bacillus subtilis) - Diệt virus EN 17111 (Adenovirus...) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Chai/can 5 lít (Kèm theo test).	Chai/Can	Can 5 lít	2400009 ĐKXH/ BYT- HTTB	40	574.000	22.960.000
49	68	Dung dịch kiểm soát khuẩn, ức chế ăn mòn bề mặt dụng cụ y tế	Dung dịch kiểm soát khuẩn, ức chế ăn mòn bề mặt dụng cụ y tế (Neodisher PreStop)	408647	Chemische Fabrik Dr. Weigert	Từ năm 2025 trở về sau	Đức	Chemische Fabrik Dr. Weigert GmbH & Co.KG	- Thành phần: ≤5% chất diện hoạt anion và lượng tinh cùng enzyme, chất bảo quản (3-Iodo-2-propinyl butylcarbamate, 1,2-Benzisothiazol-3 (2H) -one) - PH: ≤9,5 (không pha loãng, 20 °C) - Độ nhớt xấp xỉ 1.0g/cm3 (20oC) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	0.75 lít/Chai	2200011 99/PCB B-BYT	10	330.000	3.300.000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhân hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
50	69	Dung dịch Acid acetic	Dung dịch Acid acetic 3%	Dung dịch Acid acetic 3%	Khải Vân	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Khải Vân	Axit acetic 3% . Chai 500ml	Chai	Chai 500ml	Không áp dụng	3	68,000	204,000
51	70	Dung dịch Lugol	Dung dịch Lugol 3%	Dung dịch Lugol 3%	Khải Vân	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Khải Vân	Dung dịch lugol 3%. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai 500ml	Chai	Chai 500ml	Không áp dụng	3	298,000	894,000
52	71	Dung dịch sát trùng ống tủy	Vật liệu sát trùng tủy răng	Camphen ol 15ml	Prevest	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest	Thành phần: Parachlorophenol và Camphor. Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 15ml.	chai/lọ	Lọ 15ml	2200017 46/PCB B-HCM	1	308,000	308,000
53	72	Dung dịch sát trùng tủy viêm nhiễm	Vật liệu sát trùng tủy răng	Formacre sol 15ml	Prevest	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest	Thành phần: Formaldehyde USP, Cresol USP, Glycerine USP. Có tính kháng khuẩn mạnh, dùng để điều trị nhiễm trùng tủy. Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 15ml.	chai/lọ	Lọ 15ml	2200017 46/PCB B-HCM	1	350,000	350,000
54	73	Dung dịch dùng với vật liệu trám răng	Vật liệu sát trùng tủy răng	Eugenol 30ml	Prevest	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest	Dung dịch dầu Eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau răng nhẹ và để tạo hợp chất giảm đau cho răng với oxide kẽm (Zinc Oxide). Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 30ml.	lọ	Lọ 30ml	2200017 43/PCB B-HCM	4	168,000	672,000
55	74	Dụng cụ đưa thuốc vào tủy răng	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy	PASTE CARRIERS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Dài 21-25mm. Thép không gỉ. Tinh mềm dẻo, độ chống gãy cao. Lò xo gắn liền chuỗi.	Cái	hộp 4 cái	2200032 35/PCB B-BYT	48	26,700	1,281,600
56	75	Dụng cụ lấy tủy răng	Kim khoan răng	H-FILES	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Làm bằng Thép không gỉ, độ thuận 2% dài 25mm.	Cái	hộp 6 cây	2200018 04/PCB B-BYT	60	15,750	945,000
57	76	Dầu Paraparin	Dầu Paraparin	Dầu Paraparin	Thuận Phát	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Apar	Dạng dung dịch, trong suốt, không vân đục, không lẫn tạp chất, không phân lớp	Lít	Chai 1 lít	Không áp dụng	2	80,000	160,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
58	77	Dầu soi kính hiển vi	Immersion oil	1E+09	Merck / Đức	Từ năm 2025 trở về sau	Đức	Merck	Dạng dung dịch, trong suốt, không vân đục, không lẫn tạp chất, không phản lớp. Được sử dụng để tăng hiệu quả của ống kính. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai 500ml	Chai	Chai 500ml	Không áp dụng	1	1,800,000	1,800,000
59	78	Dây hút nhớt	Dây hút dịch MPV sử dụng một lần	DHD: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Chất liệu PVC y tế cao cấp, đầu nối có thể điều khiển bằng ngón tay. Ống nhựa mềm, đầu cuối ống trơn nhẵn có 2 lỗ không đối xứng để tăng hiệu quả máy hút. Các số khác nhau có màu cơ nối khác nhau từ 5Fr - 18Fr. Thiết kế đầu nối sao cho có thể sử dụng lực hút có hoặc không có điều khiển bằng ngón tay. Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Dây có độ dài ≥ 55cm. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE	Cái	Túi 20 cái x 50 túi / kiện	2300000 01/PCB B-NB	260	3,150	819,000
60	79	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng 200 ul	HDTG02	Huida	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instrument s Co., Ltd.,	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase, ôm khí đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	1000 cái/ túi	Không áp dụng	8,000	42	336,000
61	80	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh 1000 ul	HDTG03	Huida	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instrument s Co., Ltd.,	Đầu côn xanh, được sản xuất bằng nhựa PP chính phẩm chất lượng cao không chứa kim loại. Có khóa hoặc không khóa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	500 cái/ túi	Không áp dụng	2,000	84	168,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
62	81	Điện cực dán điện tim	Điện cực dán điện tim FS-TC 110	Skintact/ FS-TC 1/10	Skintect	Từ năm 2025 trở về sau	Áo	Leonhard Lang GmbH	Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Kích thước: 35mmx41mm. Bề mặt tiếp xúc: dạng gel. Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	50 cái/ túi	1700013 68/PCB A-HN	450	1,869	841,050
63	82	Đĩa petri	Đĩa petri	PD-1	ZHEJI ANG RENO N	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co.,Ltd	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính ≥90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	Túi 10 cái	2300014 18/PCB A-HN	100	1,600	160,000
64	83	Gạc cầu đa khoa	Gạc cầu đa khoa F130 x 1 lớp vô trùng	GTRVT2	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Kích thước: F130 x 1 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước: ≥12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: ≤0,105%. Độ ẩm: ≤4,62%. Tro sulfate: ≥0,05% Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: ≤0,032%. Độ trắng: ≥84,3%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Miếng	10 cái/ gói	2200000 04/PCB B-NĐ	5,000	350	1,750,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
65	84	Gạc tai mũi họng	Gạc meche dẫn lưu 0,75cm x 200cm x 4 lớp vô trùng	MECHE DLVT3	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	- Gạc không dệt (70% viscose và 30% polyester - Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước: ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Chất tan trong nước $\leq 0.5\%$. Độ pH: trung tính. - Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. - Kích thước: (0.75cm x 200cm) x 4 lớp vô trùng. - Quy cách đóng gói tối thiểu: 01 cuộn/ gói. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cuộn	1 cuộn/ gói	2200000 04/PCB B-ND	60	2,800	168,000
66	85	Gạc phẫu thuật ổ bụng vô trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	GPTVT7	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	- Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. - Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25 g/m2 trở lên. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước: $\geq 12,3$gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: $\leq 0,105\%$. Độ ẩm: $\leq 4,62\%$. Tro sulfate: $\leq 0,05\%$. - Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: $\leq 0,032\%$. Độ trắng: $\geq 84,3\%$. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Miếng	10 miếng/ gói	2200000 04/PCB B-ND	20,000	567	11,340,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKXH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
67	86	Gạc phẫu thuật ở bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật ở bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng	GPTVTO B25	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Kích thước: (30cm x 40cm) x ≤6 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước: ≤0,105%. Độ ẩm: ≤4,62%. Tro sulfate: ≤0,05%. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: ≤0,032%. Độ trắng: ≥84,3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm. Tiệt trùng bằng khí EO Gas. Được đóng gói bằng ≥2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Miếng	5 miếng/ gói	2200000 04/PCB B-ND	13,000	5,670	73,710,000
68	87	Bông cầm máu dùng trong nha khoa	Gạc vô trùng dùng trong nha khoa	ROEKO Gelatamp	Coltene	Từ năm 2025 trở về sau	Đức	Coltene/ Whaledent GmbH + Co. KG	Bông cầm máu đã tiệt trùng, được tẩm chất colloidal bạc có khả năng sát trùng. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp ≥50 viên	Hộp	Hộp 50 viên	19000014 09/PCB A-HCM	2	2,047,500	4,095,000
69	88	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Găng tay cao su y tế có bột	GKTCB. S/ GKTCB. M/	MERU FA	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CÔNG TY CP MERUFA	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: ≥7,0 N, sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%, sau già hóa: 500%. Lượng bột : ≤ 10mg/dm2. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Đôi	Hộp 50 đôi	23000012 55/PCB A-HCM	48,000	1,470	70,560,000

SIT	SIT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
70	89	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng latex phẫu thuật tiệt trùng, có bột các số	GPT	MERU FA	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CÔNG TY CP MERUFA	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dây trung bình 0,15÷0,20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt trước lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/dm2. Lượng protein: max 200µg/dm2, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Đôi	Túi 1 đôi	2300023 34/PCB B-HCM	2,000	4,200	8,400,000
71	90	Găng tay cao su dài dùng nhiều lần	Găng tay cao su dài dùng nhiều lần	Đồng Cầu Vòng	Đồng Cầu Vòng	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Đồng Cầu Vòng	Chất liệu 100% cao su tự nhiên. Găng tay dùng nhiều lần. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1 đôi.	đôi	Túi 1 đôi	Không áp dụng	150	21,000	3,150,000
72	91	Găng tay dài sản khoa	Găng tay sản khoa các loại	GPTCTD	MERU FA	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	CÔNG TY CP MERUFA	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0- 7.5. Chiều dài: 500mm, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12,5N, sau lão hoá min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg /đôi. Lượng protein max 200g/dm2. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Đôi	Túi 1 đôi	2300024 60/PCB B-HCM	30	17,430	522,900
73	92	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn	GBT	MERU FA	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần MERUFA	Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylene Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl Hydroxybenzoate; Citric Acid. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 82g. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tuýp	Tuýp 82 g	2300022 78/PCB B-HCM	60	64,000	3,840,000
74	93	Gel siêu âm	Gel siêu âm APM Sonic	APM- GSI	An Phú	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần đầu tư y tế AN PHÚ	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiếu <100 CFU/g, tổng số năm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rất dạ, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Can	Can 5 lít	2500033 31/PCB A-HN	10	99,750	997,500

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
75	94	Giấy cận nha khoa	Giấy cận GC	Giấy cận GC	GC	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC	Màu xanh-đỏ. Mềm mịn, không dính, cho đầu răng rõ ràng. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 10 xấp. Xấp 10 tờ.	Hộp	Hộp 10 xấp		10	434,000	4,340,000
76	95	Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim ECG 110*140 mm	PAP-ECG-B-110*140	Context	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công Ty TNHH Context Việt Nam	Kích thước : 110mm x 140mm. Dùng cho máy điện tim 6 cần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tập	Tập 140 tờ	2500007 46/PCB A-HCM	300	30,000	9,000,000
77	96	Giấy in ảnh siêu âm	Giấy in siêu âm	SM110S	ISD	Từ năm 2025 trở về sau	Malaysia	ISD Meditech a SDN BHD	- Dạng cuộn, chiều rộng 110mm, chiều dài 20m. - Dung lượng khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn - Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony, Mitsubishi - Dùng trong túi bảo quản - Độ phân giải cao với thang độ xám tối ưu - Cung cấp chất lượng và độ bền hình ảnh tốt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	Hộp 10 cuộn	2400023 63/PCB A-HN	100	112,000	11,200,000
78	97	Giấy in máy nước tiểu	Giấy nhiệt cho máy sinh hóa 57 mm	PAP-GSH-R-57	Context	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công Ty TNHH Context Việt Nam	Giấy in dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu phù hợp với máy bệnh viện đang sử dụng. Kích thước: (57mm x 30m). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	Túi/ cuộn	2500007 45/PCB A-HCM	50	11,000	550,000
79	98	Giấy in màu máy soi cổ tử cung	Giấy in ảnh Epson	Epson	Epson/ Việt	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Epson	Kích thước: 210mm x 297mm. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tập 100 tờ.	Tập	Tập 100 tờ	Không áp dụng	5	88,560	442,800
80	99	Giấy in monitor sản khoa	Giấy monitor sản khoa CTG 150*90 mm	PAP-CTG-B-150*90	Context	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công Ty TNHH Context Việt Nam	Kích thước 150mm x 90mm. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tập 300 tờ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Tập	Tập 300 tờ	2500007 47/PCB A-HCM	3	57,000	171,000
81	100	Gối kê tay lấy máu bệnh nhân	Gối kê tay lấy máu bệnh nhân	Gối kê tay lấy máu bệnh nhân	Khải Văn	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Khải Văn	Chất liệu chống thấm nước vào bên trong - Vải chống thấm chịu nhiệt - Vật liệu không thấm - Vải lót - Kích thước: 16x26x9cm	Cái	Túi 1 cái	Không áp dụng	4	130,000	520,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
82	101	Kéo dán nha khoa	Kéo dán nha khoa	Adper™ Single Bond 2 Adhesive	3M ESPE	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M ESPE	Có tác dụng làm Giảm ê buốt mặt chân răng. Lọ 6g. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	lọ	Lọ 6g	2200008 90/PCB B-BYT	4	1,330,000	5,320,000
83	102	Khóa ba chạc không dây	Khóa truyền dịch ba đường không dây nối	711132	KYOLING	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Hangzhou Jinlin Medical Appliances Co., Ltd	Khóa 3 đường phù hợp với các yêu cầu cần thiết của các tiêu chuẩn MDD 93/42/EEC. Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bấm khí dùng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác. Quay 360 độ. Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Khí nén: lên tới 0.6kgf/ 15 giây Khí hydro tinh: lên tới 1.5kgf/5 phút Khối lượng khoảng không chất: ≥0.1ml Mô men xoắn: ≥0.15N.m. Tỷ lệ dòng chảy: ≥198ml/min. Tiệt trùng, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 50 cái	2200010 82/PCB B-HN	400	4,980	1,992,000
84	103	Kim bướm các số	Kim cánh bướm MPV	KCB01: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Đầu nối, được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp ABS. Nắp đầu nối, nắp dây kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp PE. Dây dài ≥30cm nguyên liệu PVC y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngăn giúp lấy ven dễ dàng. Tiệt trùng bằng khí EO. Quy cách đóng gói tối thiểu: Đóng gói 1 x ≤100 cái/túi PE. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE	Cái	01 cái/ túi	210059 ĐKLH/ BYT- TB-CT	5,000	1,281	6,405,000
85	104	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	Kim tiêm MPV	KT01: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Các số từ 18G- 25G. Kim sắc. Tiệt trùng bằng khí EO. Không gây sốt, không độc tố. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 200 cái	Cái	Hộp 200 cái x 50h/ kiện	2100020 ĐKLH/ BYT- TB-CT	45,000	350	15,750,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
86	105	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có công	NMC224	NEOT EC	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Mediplus (India) Limited	Số 24. Catheter làm bằng chất liệu PTFE, có 3 đường cán quang ngấm. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon, vát đa diện. Có cánh, công tiêm thuốc có van silicon chống trào ngược. Màu sắc - kích thước - tốc độ dòng chảy: (màu vàng) 24G - 0.7 x 19mm - 20ml/phút. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 100 cái	2200017 09/PCB B-HN	30,000	3,800	114,000,000
87	106	Kim chọc máu	Kim chọc máu, loại đầu xoay	CY-133B	Shangdong Chengwu	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Shangdong Chengwu Medical Products Factory	Kim số 28G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ và tiệt trùng từng cây bằng tia Gamma. Không độc hại, không có chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE	Cái	100 cái/ hộp	2300023 56/PCB B-HN	100	210	21,000
88	107	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	Kim chọc dò, Kim chọc dò, gây tê tủy sống	4501390-10; 4509900-10; 4507908-10; 4507401-13; 4505905-10; 4503902-10	B.Braun	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật	B. Braun Aesculap Japan Co., Ltd	- Đầu kim Quinke 3 mặt vát sắc bén, dài 88mm và 40mm - Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang màu ánh bạc lăng kính trở nên trong suốt sau khi dịch não tủy chảy ra. - Kích cỡ nòng kim: 18G, 20G, 22G dài, 22G ngắn, 25G, 27G, 29G - Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016 - Xuất xứ: G7	Cái	Hộp 25 Cái	2301269 ĐKLH/ BYT- HTTB	150	31,500	4,725,000
89	108	Kim tiêm nha khoa	Terumo Dental Needle	DN*M27 21	Terumo	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Asahidai Plant of AIR WATER REALIZE INC	Cỡ kim: 27G- Chiều dài kim: 21mm. Đầu kim sắc bén, có độ bền cao, cố định đáng tin cậy. Chỉ báo mặt vát kim, đóng gói riêng biệt. Tiệt trùng bằng etylen dioxide. Vật liệu: Kim: không gỉ, ống: PP.	Cái	Hộp 100 cái	2400003 18/PCB B-HN	400	2,310	924,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
90	109	Khẩu trang N95	Khẩu trang y tế AN95	AN95	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Khẩu trang có các nếp gấp hình chữ V có tác dụng ôm kín khuôn mặt khi đeo. Khẩu trang y tế N95 đạt theo tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84. Hiệu lực lọc $\geq 96\%$ đối với NaCl trung bình kích thước $0,075 \pm 0,020 \mu\text{m}$; trở lực hô hấp $\leq 30 \text{ mmH}_2\text{O}$. - Hiệu quả lọc vi khuẩn- BFE theo BS EN 14683: 2019 đạt $\geq 99,99\%$ - Độ vô khuẩn bằng phương pháp thử BS EN 14683: 2019 đạt KPH (LOD : 1 CFU/g) - Khả năng kháng tia màu nhân tạo đạt tiêu chuẩn ISO 22609 . Quy cách đóng gói tối thiểu: 1 cái/ gói. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiệt trùng trong y tế. Tiệt trùng bằng EO.Gas. Độ vô khuẩn đạt theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1 cái/ gói	2100000 07/PCB S-ND	2,000	3,150	6,300,000
91	110	Khẩu trang y tế 4 lớp vô trùng	Khẩu trang 4 lớp MPV Không tiệt trùng	KT01	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	- Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 02 lớp vải không dệt và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn $\geq 99\%$ (meltblown). - Vải không dệt + Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; ISO 9001	cái	10 cái/ túi x 50 cái/hộp	2100000 03/PCB A-NB	18,600	800	14,880,000
92	111	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần	Hwato	HWAT O	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Suzhou Medical Appliances Factory	Các số. Chiều dài kim từ 13-100mm. Kim châm cứu sắc nhọn. Thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói tối thiểu: V1 10 cái. Hộp 100 cái..	Cái	Hộp 100 cái	2400020 58/PCB B-HN	95,000	378	35,910,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
93	112	Huyết áp người lớn	Huyết áp kế đồng hồ	No.500-V	Alpk2	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Gồm:01 đồng hồ đo áp lực; Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí; 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm;01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm;01 túi đựng giả da.Lưu lượng bơm của đồng hồ (khoảng đo) : 20 ~ 300mmHg;Độ chính xác(sai số) : ±3mmHg. Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van chắc chắn, dễ vận hành. Trọng lượng : 430g Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	50 bộ/ hộp to	2400019 56/PCB A-HCM	21	535,000	11,235,000
94	113	Hàn Composite lỏng	Composite lỏng	Flow	B&E	Từ năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	B&E	Dạng lỏng , dễ chảy dùng để trám bít hố răng,Trám lót răng kích thước nhỏ tới trung bình,Cải thiện khuyết điểm men, bảo vệ men trước khi trám vĩnh viễn. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuýp 2 gam.	tuýp	Tuýp 2g		20	119,000	2,380,000
95	114	Hoá chất khử khuẩn	DGC-Chloramin B	Chloramin B	Đức Giang	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Đức Giang	Thành phần: Thành phần: Chloramine B ≥25% Chlorine. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 1-5kg	kg	Túi 1-5kg	VNDP-HC-696-10-20	200	176,800	35,360,000
96	115	Lam kính	Lam kính lấy mẫu	7102X	ZHEJIANG ANG RENO N	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co.,Ltd	Nguyên vật liệu: Kính soda với đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp	Hộp 72 miếng	2300014 16/PCB A-HN	10	19,950	199,500
97	116	Lọ lấy mẫu phân có nắp	Lọ mẫu phân nhựa PS 60mL, nắp vàng, có nhãn, tiệt trùng	PFB0020 802	Polygreen	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Polygreen Việt Nam	Lọ mẫu nước phân nhựa PS tiệt khiết 100%, dung tích 60ml. Nắp màu vàng. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Tiệt trùng bằng khí EO. Có thìa bên trong	lọ	50 cái/ túi	2200026 13/PCBA-HN	150	1,780	267,000
98	117	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ	KIATO	KIATO	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Kehr Surgical Private Limited	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fiment số 3 và số 4...do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 100 cái	2200008 20/PCB B-HN	700	1,100	770,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
99	118	Mask thở oxy các cỡ	Mặt nạ thở oxy MPV	MNO01: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2,1m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135	Cái	Túi 01 cái x 100 túi / kiện	2100108 ĐKLH/ BYT-TB-CT	160	14,000	2,240,000
100	119	Mặt gương nha khoa	Gương nha khoa	1205/1	Isthongth	Từ năm 2025 trở về sau	Pakistan	EVERBEST TRADING CO	Mặt gương sáng, không bị mờ. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 12 cái	cái	Hộp 12 cái	1800021 53/PCB A-HN	40	9,450	378,000
101	120	Mũi khoan công	Kim khoan răng	GATES DRILLS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Số 1-6. Dài 28-32mm. Thép không gỉ. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 6 cái	Vi	Vi 6 cái	2200018 04/PCB B-BYT	10	186,900	1,869,000
102	121	Mô vệt nhựa	Mô vệt khám phụ khoa	MVN.TN P	TANA PHAR	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Tanaphar	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt. Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa, dễ dàng điều chỉnh độ mở, giúp cho tầm quan sát rộng. - Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1 cái/ túi	1800001 12/PCB A-HN	700	3,675	2,572,500

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
103	122	Mũi giấy phẫu thuật (Nam, Nữ)	Mũi phẫu thuật vô trùng	MPT1	An Lành	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành	Vải không dệt polypropylen cao cấp Màu xanh đồng đều, không loang lổ, không tạp chất. Không kích ứng da 2.9g – 3.8g/ 1cái. Quy cách đóng gói tối thiểu: 1 cái/ gói, 100 cái/ bịch. Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	1 cái/ gói	170000004/PCB A-ND	3,600	924	3,326,400
104	123	Mũi khoan cắt răng số 8	mũi phẫu thuật khoan răng	Carbide Burs	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Dài 25-28mm. Mũi khoan chuyên dùng khoan cắt xương, chia răng số 8 trong nhổ răng tiểu phẫu, mở xương khẩu cái. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 4 cái	Cái	hộp 4 cây	220001803/PCB B-BYT	40	113,400	4,536,000
105	124	Mũi khoan đuôi chuột	Mũi khoan răng	DIA-BURS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan kim cương nha khoa. Lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 5 cái	Cái	vi 5 cây	220001803/PCB B-BYT	50	28,140	1,407,000
106	125	Mũi khoan tròn	Mũi khoan răng	DIA-BURS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan kim cương nha khoa. Lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 5 cái.	Cái	vi 5 cây	220001803/PCB B-BYT	50	28,140	1,407,000
107	126	Mũi khoan trụ thuận	Mũi khoan răng	DIA-BURS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan kim cương nha khoa. Lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 5 cái.	Cái	vi 5 cây	220001803/PCB B-BYT	50	28,140	1,407,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
108	127	Mũi khoan trụ	Mũi khoan răng	DIA-BURS	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan kim cương nha khoa. Lớp mạ kim cương siêu bền, thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 5 cái.	Cái	vi 5 cây	2200018 03/PCB B-BYT	50	28,140	1,407,000
109	128	Mũi khoan cắt xương dùng trong nha khoa	Mũi khoan răng	CARBID E BUR	Dentsply	Từ năm 2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Maillefer Instrument s Holding Sarl	Dài 26mm. Mũi khoan chuyên dùng khoan cắt xương, hỗ trợ cấy ghép Implant. mũi khoan được cấu thành từ cacbon. Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 5 cái.	Cái	Vi 5 cái	2200013 67/PCB B-BYT	10	291,200	2,912,000
110	129	Nước cất 2 lần vô khuẩn	Nước cất 2 lần vô khuẩn	Nước cất 2 lần vô khuẩn	Thuận Phát	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Thuận Phát	Nước cất 2 lần vô khuẩn, dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lít	Can 5 lít	Không áp dụng	600	11,550	6,930,000
111	130	Nong ống tủy các cỡ	Kim khoan răng	K-FILES	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Làm bằng Thép không gỉ, độ trơn 2% dài 18mm, 21mm, 25mm, 31mm(size 8, 10, 15, 20, 25). Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi 6 cái	Vi	hộp 6 cây	2200018 04/PCB B-BYT	20	15,750	315,000
112	131	Ống chống đông EDTA	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	ON-04: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c.). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Ống	100 ống/khay, 2400 ống/kiện	2200000 06/PCB A-NB	50,000	700	35,000,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK.LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
113	132	Ống chống đông heparin các cỡ	Ống nghiệm lấy máu Heparin MPV, nắp nhựa	ON-09; MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Ống	100 ống/khay, 2400 ống/kiện	2200000 06/PCB A-NB	40,000	819	32,760,000
114	133	Ống dẫn lưu	Ống dẫn lưu	DR0507-M-01C; DR0710-M-01C; DR0507-M-01CH; DR0710-M-01CH	Forte Grow	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Forte Grow Medical	Chất liệu nhựa PVC y tế, có lỗ, dây mềm, dẻo, có tính đàn hồi cao, màu trắng. Dài khoảng 400 mm (±5%), các cỡ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	100 cái/hộp	2200022 33/PCB B-BYT	40	9,800	392,000

STT	STT HSMIT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKKL/H/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
115	134	Ống đặt nội khí quản	Ống nội khí quản	512110; 512112; 512114; 512116; 512118; 512120; 512122; 512124; 514112; 514114; 514116;5 14118; 511118; 511120; 511122; 511124; 511126;5 11128; 511130; 511132; 511134; 511136; 511138; 511140	KYOLI NG	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Hangzhou Jinlin Medical Appliances Co., Ltd	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, không bóng hoặc có bóng. Đầu nối tiêu chuẩn 15mm Semi-sealed, đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Mất Murphy trơn nhẵn. Không có cao su, không có PHT. Loại có bóng: bóng có dung lượng cao độ nén thấp, độ dày bóng từ 0,08-0,11mm, khả năng chịu áp lực 6 kPa/15s, bóng lái: đầu bơm khóa luer có valve. Có các số từ 2,5 đến 10,0. Loại không bóng có các cỡ từ 2,5 đến 6,0. Tiết trùng dùng một lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 10 cái	2200010 86/PCB B-HN	55	15.750	866.250
116	135	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt	Trần Trung	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Trần Trung	Bảng nhựa, sử dụng trong điều trị răng. Quy cách đóng gói tối thiểu: Túi 100 cái.	cái	Túi 100 cái	Không áp dụng	1.000	870	870.000
117	136	Ống nghiệm eppendorf	Ống lấy máu ly tâm	GT204-306	Ningbo Greetmed	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Túi 500 cái	2200016 06/PCB B-HN	2.000	147	294.000
118	137	Ống chống đông Natricitrat	Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.8% MPV, nắp nhựa	ON-07: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Vật liệu làm ống: Nhựa PP. Thể tích lấy máu: 2ml. Thành phần: Trisodium Citrate 3,8%, nước cất vừa đủ. Công dụng: Chống đông máu, dùng trong xét nghiệm y khoa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 100 ống	Ống	100 ống/khay, 2400 ống/kiện	2200000 06/PCB A-NB	2.000	750	1.500.000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
119	138	Ống nghiệm dùng tách huyết thanh có nắp	Ống nghiệm serum, APM-Việt Nam	SH-012	An Phú	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần đầu tư y tế AN PHÚ	* Kích thước ≥12x75(mm). Nắp màu đỏ. * Giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. * Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ông	100 ống/01 hộp, 24 hộp/ thùng	1900014 47/PCB A-HN	1,000	760	760,000
120	139	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh 12mm x 70mm	GlobalRo II/ 12mm x 70mm	Global Roll	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Thể tích ống 5ml, kích thước 12x70mm. Chất liệu thủy tinh. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Ông	Túi 500 ống	1900001 39/PCB A- HN	10,000	525	5,250,000
121	140	Ống nghe	Ống nghe	No.FT-801	Alpk2	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Trọng lượng ≥130g. 1 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC, màu xám. Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh. Làm bằng chất liệu Aluminum. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100 cái/ thùng	2400019 57/PCB A-HCM	7	198,000	1,386,000
122	141	Ống đựng nước tiểu nhựa dùng 1 lần	Ống nghiệm nhựa có nút 16 x 100mm	GlobalRo II/ 16 x 100mm	Global Roll	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong.	Ông	Túi 500 cái	1700011 04/PCB A- HN	15,000	870	13,050,000
123	142	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày MPV	ODD: MPV	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đã tiết trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135, Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Túi 25 cái x 20 túi / kiện	2200000 06/PCB B-NB	140	4,000	560,000
124	143	Ốc tay khoan nha khoa (ốc nhỏ, churk vắn)	Bạc đạn tay khoan nha khoa	PAX2R-S03	NSK	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nakanishi Inc. (NSK)	Chất liệu inox không gỉ. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 1 cái.	Cái	Hộp 1 cái	1700012 33/PCB A-HN	6	1,890,000	11,340,000
125	144	Quả bóp cao su	Quả bóp cao su	QBHA	Wenzhou	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Wenzhou Jianda	Quả bóp huyết áp chất liệu làm bằng cao su, đàn hồi.	cái	Túi/ cái	Không áp dụng	1	40,000	40,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
126	145	Que dè lưới gỗ	Que dè lưới gỗ Tanaphar - đã tiệt trùng	ĐLG.TN P	TANA PHAR	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Tanaphar	- Gỗ tự thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Tổng số nấm men + mốc < 2.0 x 10 ¹ CFU/g; vi khuẩn hiếu khí < 2.0 x 10 ¹ CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 100 cái	Cái	Hộp 100 que	1800005 07/PCB A-HN	3,000	290	870,000
127	146	Sonde Foley 3 nhánh	Ống thông đường tiểu foley 3 nhánh các số	311	CHRO MA	Từ năm 2025 trở về sau	Malaysia	URO Technology Sdn. Bhd	Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Tốc độ dòng chảy cao để tối đa hóa khả năng thoát nước. Độ mờ của lòng ống bên trong cho phép quan sát vị trí bóng và theo dõi lượng dịch bên trong của ống thông. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phẫu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 10 cái	2200002 66/PCB B-HN	40	43,000	1,720,000
128	147	Sonde Foley 2 nhánh	Ống thông đường tiểu foley 2 nhánh các số người lớn 12-24Fr	212	CHRO MA	Từ năm 2025 trở về sau	Malaysia	URO Technology Sdn. Bhd	Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép quan sát vị trí bóng và theo dõi lượng dịch bên trong của ống thông, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phẫu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van mềm. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Hộp 10 cái	2200002 66/PCB B-HN	200	16,590	3,318,000
129	148	Tăm bóng vô trùng (Dùng cho xét nghiệm)	Que lấy mẫu bệnh phẩm	RY-W001	Jiangsu Rongye	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Rongye Technology Co., Ltd.	Que gồm xét nghiệm trong ống, đã tiệt trùng thân que bằng gỗ, 1 đầu gòn dài ≥ 16 cm. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Mỗi cái được đóng gói gói bao bì riêng, đảm bảo vô trùng.	cái	100 cái/ túi	2100004 01/PCB A-HN	500	1,575	787,500

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKHH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
130	149	Trám gai lấy tủy	Trám gai	SHORT BARBE D BROACHES	MANI	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO.,LTD. PHO YEN FACTORY	Số 1- màu trắng, Số 3 - màu đỏ, Số 4 - màu xanh. Trám gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Quy cách đóng gói tối thiểu: 6 cái.	vi	hộp 6 cây	2200000 06/PCB B-TNg	20	86,500	1,730,000
131	150	Túi đựng nước tiểu có móc treo	Túi đựng nước tiểu ECO	TNT	MPV	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	- Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phần vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đám bảo kín không rò rỉ. Có băng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu. - Van xả thoát dây chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có băng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	01 cái/ túi	2000000 12/PCB A-NB	300	6,000	1,800,000
132	151	Xi măng trám bít ống tủy	Endomethasone N	Endomet hasone N	Septodont	Từ năm 2025 trở về sau	Pháp	Septodont	Thành phần: Hydrocortison axetat 1.0g Tá dược vừa đủ: Thymol Iodide, barium sulfate, zinc oxide vừa đủ. Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 14g. Dùng để trám ống tủy vĩnh viễn.	lọ	Lọ 14 gam		1	1,470,000	1,470,000
133	152	Vật liệu trám bít ống tủy	GUTTA PERCHA POINTS	EKM	Pear Dent	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	PEARL DENT	Các số: 25 - 30. Đầu cone tròn trơn tru Đám bảo độ kín khít trong ống tủy. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp 120 cái	Hộp	Hộp 120 cái	2400003 48/PCB B-HCM	30	86,400	2,592,000
134	153	Vật liệu nội nha	METAPEX	METAP EX	META	Từ năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	Meta Biomed	Thành phần Calcium Hydroxide. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuyp 2.2g.	tuyp	Tuyp 2,2g	2200035 48/PCB B-HCM	3	490,000	1,470,000
135	154	Vật liệu điều trị nội nha, trám tạm, gắn tạm	Vật liệu trám răng	Zinc Oxide Powder 10g	Prevest	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest	Bột kẽm Oxit Prevest là sản phẩm nha khoa được sử dụng là chất trám tạm. Với thành phần hoàn toàn từ Oxit kẽm nguyên chất, hoàn toàn không chứa thạch tín. Quy cách đóng gói: lọ 110g	lọ	Lọ 110g	2200017 43/PCB B-HCM	4	168,000	672,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKKH/ Số GPK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
136	155	Vật liệu trám răng	Vật liệu trám răng composite	Filtek™ Z350 XT Flowable Restorative	3M ESPE	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M ESPE	Composite lỏng màu A2, A3 hoặc tương đương. Composite lỏng chứa khí có lực và ổn định khi chiếu đèn giúp dễ kiểm soát và tạo hình, len lỏi tốt đến các trung nhân nhô của xoang trám. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuýp 2g.	tuýp	Tuýp 2g	2200007 17/PCB B-BYT	20	596,000	11,920,000
137	156	Vật liệu băng trám tạm và che tủy	Vật liệu trám răng	Ultra Blend - Plus	ULTRADENT	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ultradent	Thành phần: vật liệu canxi hydroxide trộn sẵn. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuýp 1,2ml	tuýp	Tuýp 1,2 ml	2300005 63/PCB B-HCM	4	615,000	2,460,000
138	157	Vật liệu điều trị ống tủy nội nha	Vật liệu trám răng	ULTRA CAL XS	ULTRADENT	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ultradent	Thành phần: Calcium Hydroxide được trộn sẵn có độ chảy lỏng phù hợp để bơm vào ống tủy. Quy cách đóng gói tối thiểu: Tuýp 1,2g.	tuýp	Tuýp 1,2 g	2300005 63/PCB B-HCM	4	392,000	1,568,000
139	158	Vật liệu diệt tủy răng không Asen	DIỆT TỦY ARSENIC BLUE	ARSENIC BLUE	Red star	Từ năm 2025 trở về sau	Nga	Red star dental	Thành phần: Ephedrin, Lidocain, Camphor, Parachlorophenol. Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ 5g.	Lọ	Lọ 5g	Không áp dụng	1	667,000	667,000
140	159	Khí oxy lỏng	Oxy y tế lỏng	LOX	Thanh gas	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần khí công nghiệp Việt Nam	Chất lượng $\geq 99.6\%$, CO ≤ 5 ppm, CO2 ≤ 0.03 ppm, hàm lượng nước ≤ 3 ppm, giới hạn Acid-kiềm đạt yêu cầu phép thử theo Dược điển Việt Nam V, các chất oxy hóa đạt yêu cầu phép thử theo Dược điển Việt Nam V. Nạp trực tiếp vào bồn chứa tại Bệnh viện Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	kg	Khí nạp vào bồn chứa	Không áp dụng	12,000	5,100	61,200,000
141	160	Ống nghiệm nhựa không chống đóng nắp đỏ, không hạt	Ống nghiệm nhựa PP có nắp, APM-Việt Nam	PN-5	An Phú	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần đầu tư y tế AN PHÚ	Kích thước $\geq 12 \times 75$ (mm). Nắp màu đỏ. Không có chất chống đông, không hạt. Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300 cái/hũ	1900014 47/PCB A-HN	1,000	400	400,000
142	161	Kim luồn tĩnh mạch số 24	Kim luồn tĩnh mạch an toàn (VASOFIX SAFETY)	4268091 S-03	BBRAUN	Từ năm 2025 trở về sau	Malaysia	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Đầu kim được thiết kế với 3 mặt vát giúp đạt được độ bén tối đa. Kim luồn tĩnh mạch có đầu bảo vệ bằng kim loại. Chất liệu: Một đầu được làm từ Catheter nhựa có 4 đường cân quang ngầm, kim làm từ chất liệu FEP-Teflon. Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml/phút. Đường kính ngoài đầu catheter: 0.9mm x 25mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	Hộp 100 cái	2200000 26/PCB B-BYT	500	21,000	10,500,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
143	162	Dầu xịt tay khoan	Dầu bôi trơn tay khoan	Hi-clean Spray	Clint Metal	Từ năm 2025 trở về sau	Đài Loan	Clint Metal Enterprise Co., Ltd	Dầu bôi trơn tay khoan giúp làm sạch hiệu quả hơn và kéo dài tuổi thọ tay khoan nha khoa. * Cho tay khoan tốc độ cao và thấp	Chai	Chai 550ml	1700014 62/PCB A-HN	2	460,000	920,000
144	163	Sò đánh bóng nha khoa	PASTE LÀM SẠCH BỀ MẶT RĂNG	560.xxxx .xxx	DENT AL	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	DENTAL TECHNOLOGIES, INC	Hỗ trợ mài bóng răng sứ sau trám. Hỗ trợ mài bóng mặt răng sau khi cạo vôi hoặc trám sứ. Giúp đảm bảo răng đạt độ bóng cao cấp sau quá trình điều trị. Bột sò mịn, không gây vỡ. Đảm bảo độ bóng hoàn hảo sau khi đánh. Dễ dàng rửa sau đánh bóng, hạn chế tích tụ khó rửa trôi. Sò đánh bóng hộp 200 cái	Cái	Hộp 200 cái	2400012 82/PCB A-HCM	200	7,000	1,400,000
145	164	Máy đo huyết áp điện tử	Huyết áp kế điện tử	K2-2015M	Alpk2	Từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nihon Seimitsu Sokki Co., Ltd	Máy đo huyết áp bắp tay điện tử hoạt động theo phương pháp đo dao động kế này giảm áp lực bơm ở vòng bít. - Máy nhỏ gọn, dễ dàng đọc kết quả, sản xuất ở Nhật - Bộ nhớ chứa tối đa 60 kết quả đo cộng thêm giá trị trung bình của các lần đo - Có chức năng cài đặt ngày giờ - Kích thước vòng hơi: 22cm đến 42 cm - Kích thước của máy chưa bao gồm vòng hơi: 116.5 x 122.2 x 69.9 mm (rộng x sâu x cao) - Trọng lượng của máy: xấp xỉ 250 g (chưa bao gồm pin) - Khoảng đo: + huyết áp trên (huyết áp tối đa): 50-250mmHg + huyết áp dưới (huyết áp tối thiểu): 40-180mmHg + nhịp mạch (nhịp tim): 40-180 nhịp/phút + áp suất bơm của vòng hơi: từ 0-300 mmHg + Độ chính xác của máy: +/- 3 mmHg (đối với huyết áp), +/- 5 đối với kết quả đọc nhịp mạch (nhịp tim) - Kết quả hiển thị trên màn hình bao gồm: huyết áp tối đa, huyết áp tối thiểu, nhịp mạch, cảnh báo rối loạn nhịp tim (nếu có), cảnh báo người đo cử động nhiều trong quá trình đo (nếu có). - Nguồn máy: dùng 04 pin AA alkaline 1.5volt LR6, hoặc adapter cắm điện. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	20 cái/ thùng	2200032 60/PCB B-HCM	2	1,090,000	2,180,000
146	165	Khí Oxy + Bình	Khí oxy y tế bình 10 lít	OXY	Thanh as	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần khí công nghiệp Việt Nam	Thành phần: khí Oxy, hàm lượng (% thể tích) ≥99.6%; Bình chứa 10 lít khí Oxy đủ điều kiện đi kèm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bình	Bình 10 lít	Không áp dụng	10	1,580,000	15,800,000
Cộng: 146 khoản															1,429,023,390

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
2. Công ty TNHH thương mại dịch vụ & thiết bị Thiên Phúc															
1	13	Bộ huyết thanh định nhóm máu hệ ABO	Anti ABO: Anti A IgM Anti B IgM Anti AB IgM	810001 814001 816001	Anti ABO: Anti A IgM Anti B IgM Anti AB IgM	Từ năm 2025 trở về sau	Ai Cập	Spectrum Diagnostic s / Ai Cập	Gồm 3 loại được sử dụng để định nhóm máu A, B, AB trong mẫu máu: Anti A 1x 10ml/ lọ Anti B 1x 10ml/ lọ Anti AB 1x 10ml/ lọ Dùng để phát hiện nhóm máu A, B, O, AB trong mẫu máu người. Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai: Anti-A; Anti-B; Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Bộ	3x10ml/ bộ	4244/Q Đ-BYT	16	450,000	7,200,000
2	14	Huyết thanh mẫu định nhóm Rh (Anti-D)	Anti D IgM+IgG	822001	Anti D IgM+IgG	Từ năm 2025 trở về sau	Ai Cập	Spectrum Diagnostic s / Ai Cập	Dùng để phát hiện type Rho (D) trong mẫu máu người Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CSS) - BS225 (1,0ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ/Hộp	1x10ml/ lọ	4244/Q Đ-BYT	10	360,000	3,600,000
3	15	Test nhanh định lượng kháng thể liên cầu khuẩn	ASO latex	510006	ASO latex	Từ năm 2025 trở về sau	Ai Cập	Spectrum Diagnostic s / Ai Cập	Xét nghiệm nhanh ngưng kết latex để sàng lọc định tính và xác định bán định lượng kháng thể kháng Streptolysin A (ASO) trong huyết thanh người, xác định bệnh liên cầu khuẩn. Hộp thuốc thử gồm có Bộ latex Spectrum ASO; Huyết thanh đối chứng dương tính (chai nắp đỏ); Huyết thanh đối chứng âm tính (chai nắp trắng); Slide	Hộp	100 test/ hộp	2400006 12/PCB B-IN	4	565,000	2,260,000
4	16	Test nhanh bệnh Chlamydia	One Step Chlamydia Swab/ Urine test	W35-C	One Step Chlamydia Swab/ Urine test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Guangzhou Wonfo Biotech Co.,Ltd / Trung Quốc	Test nhanh Chlamydia phát hiện kháng nguyên Chlamydia Trachomatis trong dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo hoặc mẫu nước tiểu của nam giới. Độ nhạy: 93,58%, độ đặc hiệu ≥ 99,08% Kết quả trong vòng từ 10-20 phút. Test đạt chất lượng ISO 13485	Test	25 test/ hộp	1590/B YT-TB-CT	75	35,000	2,625,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
5	17	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	One Step HBsAg Test	ITP01003-DS50	One Step HBsAg Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	InTec PRODUC TS, INC / Trung Quốc	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người và máu toàn phần - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.88% * Thành phần Kit thử: - Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04; - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-020 - Vạch chứng IgG để kháng chuột. - Bảo quản ở nhiệt độ thường. - Đọc kết quả từ 20 - 25 phút - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	50 test/ hộp	2500912 ĐK/LH/ YT- HTTB	1,440	7,700	11,088,000
6	18	Test nhanh chẩn đoán cúm A/B	OnSite Influenza A/B Rapid Test	R0187C	OnSite Influenza A/B Rapid Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc/ Trung Quốc	- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu, dịch hút rửa mũi và tỵ hầu - Vạch T1: Độ nhạy: 86,8%, Độ đặc hiệu: 94% - Vạch T2: Độ nhạy: 91,7%, Độ đặc hiệu: 97,5% - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng vi rút cúm A, cộng hợp vàng kháng thể kháng vi rút cúm B - Vạch T1 kháng thể kháng kháng nguyên vi rút cúm A - Vạch T2 kháng thể kháng kháng nguyên vi rút cúm B - Vạch chứng kháng thể để kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Adenovirus, HSV-1 - Bảo quản nhiệt độ thường	Test	20 test/ hộp	2301339 ĐK/LH/ BYT- HTTB	1,000	65,000	65,000,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cần hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/ Số GP/K	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
7	19	Khay thử xét nghiệm định tính và phân biệt kháng nguyên SARS-CoV-2, Influenza A, Influenza B, RSV, Adenovirus	SARS-CoV-2 & Flu A/B & RSV & Adenovirus Antigen Combo Rapid Test	L031-12335	SARS-CoV-2 & Flu A/B & RSV & Adenovirus Antigen Combo Rapid Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Accu Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. / Trung Quốc	SARS-CoV-2 & Flu A/B & RSV & Adenovirus Antigen Combo Rapid Test là xét nghiệm sắc ký miễn dịch dùng chày bên để định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên SARS-CoV-2, kháng nguyên nucleoprotein của vi rút cúm loại A và loại B (Cúm A/B), RSV và kháng nguyên adenovirus đường hô hấp trong mẫu dịch mũi hoặc mẫu dịch ty hầu. • Độ lặp lại và độ chính xác: > 99% • Hiệu quả của test so với phương pháp PCR: - SARS-CoV-2 (COVID 19): Độ nhạy: 96,04%, Độ đặc hiệu: 99,50%; Độ chính xác: 98,81% - Cúm A: Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99,37%, Độ chính xác: 99,40% - Cúm B: Độ nhạy: 96,77%, Độ đặc hiệu: 99,58%, Độ chính xác: 99,40% - RSV: Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99,37%, Độ chính xác: 99,40% - ADENO virus: Độ nhạy: 96,88%, Độ đặc hiệu: 99,36%, Độ chính xác: 99,21% • Ngưỡng phát hiện: - LOD của SARS-CoV-2 là 1.60*10 ² TCID50/mL, - LOD của Flu A là 6.88*10 ² TCID50/mL, - LOD của Flu B là 1.88*10 ² TCID50/mL, - LOD của RSV là 1.58*10 ² TCID50/mL, - LOD của adenovirus là 4.35*10 ⁴ TCID50/mL.	Test	20 test/hộp	2501722 ĐK/LH/ BYT- HITB	500	68,900	34,450,000
8	20	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên (NS1) virus sốt xuất huyết	Onsite Dengue Ag Rapid Test (Kit thử nhanh phát hiện kháng nguyên Virus Dengue)	R0063C	Onsite Dengue Ag Rapid Test (Kit thử nhanh phát hiện kháng nguyên Virus Dengue)	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc/ Trung Quốc	Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, mẫu toàn phần Phát hiện kháng nguyên Virus Dengue Ag (Ns1) Ngưỡng phát hiện: 0,25ng/ml Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99,6% - Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag - Vạch kết quả: Kháng thể thử kháng Dengue Ag - Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột - Kháng phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB... - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC	Test	30 test/hộp	2501539 ĐK/LH/ BYT- HITB	1,000	55,000	55,000,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
9	21	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Rapid Anti-HCV Test	ITP0110 2 -DS50	Rapid Anti-HCV Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	InTec PRODUC TS, INC./ Trung Quốc	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	50 test/ hộp	2404122 ĐKLH/ BYT- HTTB	950	14,000	13,300,000
10	22	Test nhanh chẩn đoán HIV	Rapid Anti-HIV (1&2) Test	ITP0200 6 -DS50	Rapid Anti-HIV (1&2) Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	InTec PRODUC TS, INC./ Trung Quốc	- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Độ nhạy: 99,47%, Độ đặc hiệu: 99,87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Meab. - Nằm trong khuôn cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	50 test/ hộp	2404752 ĐKLH/ BYT- HTTB	600	19,800	11,880,000

STT	STT HSM	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐK/LH/Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
11	23	Test nhanh chuẩn đoán chân tay miệng	Diagnostic Kit for IgM Antibody to Human Enterovirus71 (Immunochromatographic Assay)	W141-C	Diagnosti stic Kit for IgM Antibo dy to Human Enterov irus71 (Immun ochrom atograp hic Assay)	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Guangzhou Wondfo Biotech Co., Ltd./ Trung Quốc	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong (huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần) - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Độ nhạy: 96.8% ; Độ đặc hiệu: 99.4% Thành phần Kit thử: 1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 µg/ml; 2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0.175 mg/ml; 3. Kháng thể kháng chuỗi µ-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 1.5 mg/ml 4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml - Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG	Test	25 test/ hộp	1585/BYT-TB-CT	100	42,000	4,200,000
12	24	Test nhanh Covid-19	SARS-CoV-2 Antigen Rapid Test	L031-11815	SARS-CoV-2 Antigen Rapid Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Acon Biotech Hangzhou/ Trung Quốc	Định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. - Độ nhạy tương quan: 97.6% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.5% - Độ chính xác tương quan: 99.1% Que thử âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm. Ngưỡng phát hiện (LoD) 1.6×10^2 TCID ₅₀ /mL. Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2: BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1) Không bị lấy nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ 3.15×10^5 TCID ₅₀ /mL. Sản phẩm nằm trong Danh sách sử dụng khẩn cấp của WHO để chẩn đoán SARS-CoV-2 (WHO EUL)	Test	25 test/ hộp	2404906 ĐK/LH/BYT-HTTB	200	35,750	7,150,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKLH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
13	25	Test nước tiểu 10 thông số	Urinalysis Reagent strip	U031-101	Urinalysis Reagent strip	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. / Trung Quốc	Thời gian đọc kết quả: trong vòng ≥ 1 phút. Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/NTT/ URO/ PRO/pH/BLO/SG/KET/KET/ BIL/GLU). Test thử dạng que. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Test	100 test/Hộp	2200015 20/PCB B-BYT	12,000	3,800	45,600,000
14	26	Test phát hiện kháng nguyên virus Rota	OnSite Rotavirus Ag Rapid Test	R0194C	OnSite Rotavirus Ag Rapid Test	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc/ Trung Quốc	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 97,2%; - Khoảng tin cậy: 95% - Thành phần Test thử: CỘNG HỢP VÀNG KHÁNG THỂ KHÁNG VIRUT ROTA #1 KHÁNG THỂ IgY gà - Vạch kết quả kháng thể kháng Virut Rota #2 - Vạch chứng kháng thể đề kháng IgG gà. - Bảo quản nhiệt độ thường	Test	25 test/ hộp	2300026 92/PCB B-HN	150	45,000	6,750,000
15	27	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể nhóm máu AB0(A1,B)	Affirmagen	6901861	Affirmagen	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho-Clinical Diagnostic s, Inc/ Mỹ	Bộ gồm 2 lọ hồng cầu Affirmagen 3% trong đó mỗi lọ chứa các tế bào hồng cầu A1 và B. Quy cách: hộp 2 lọ x 10ml. Hạn sử dụng của hàng hóa chỉ 9 tuần từ ngày sản xuất	Hộp	2x10ml/ hộp	2502288 ĐKLH/ BYT- HTTB	18	2,345,000	42,210,000
16	28	Que Test thử thai nhanh	Quickseven	Tanaphar Quick7	Quickseven	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Tanaphar / Việt Nam	"Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng β hCG, kháng thể chuột kháng α hCG. Độ nhạy tương quan: 100%. Độ đặc hiệu tương quan: 100%. Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoặc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 μ IU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút."	Test	24 test/hộp	2200007 11/PCB B-BYT	100	5,000	500,000
Cộng: 16 khoản															312,813,000

STT	STT HSNMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKIH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3. Công ty TNHH công nghệ cao về thiết bị y tế Anh Ngọc															
1	9	Phim X-quang khô dùng cho máy CT 32 lát cắt	Phim khô laser Trimax TXE 35x43cm (14x17")	1735984	TRIMA X TXE	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Carestream Health	- Phim khô laser kích cỡ 35x43cm (14x17 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đến độc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và độ ẩm tương đối 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax TX55 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Chúng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp; Hộp 125 tờ	Tờ	Hộp 125 tờ	2300016 30/PCB A-HN	4,000	43,300	173,200,000
2	10	Phim X-quang khô	Drystar DT2 B 8x10inch (20x25cm)	Drystar DT5000I B 8x10inch (20x25cm)	AGFA	Từ năm 2025 trở về sau	Bi	Agfa-Gevaert N.V.	- Kích thước 20 x 25 cm - Tương thích với dòng máy in sử dụng công nghệ in nhiệt - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét với in ấn y tế thang xám trên nền PET có độ dày 168µm - Nền phủ muối bạc và lớp chống trầy xước, chống ẩm - Mật độ quang học tối đa 3.1 - Phim nạp lộ sáng, không bị hỏng phim bởi ánh sáng ban ngày - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Quy cách đóng gói 100 tờ/ hộp	Tờ	Hộp 100 tờ	2200011 04/PCB A-HCM	500	18,500	9,250,000

STT	STT HSMT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số ĐKXH/ Số GPNK	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	11	Phim X- quang khô laser	Phim khô laser Trimax TXE 20x25cm (8x10")	1735943	TRIMA X TXE	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Carestream Health	- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axít docosanoic, muối bae(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax TX55 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp. Hộp 125 tờ	Tờ	Hộp 125 tờ	2300016 30/PCB A-HN	20,000	18,800	376,000,000
Cộng: 03 khoản															558,450,000
Tổng cộng: 165 khoản															2,300,286,390